

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT TRONG CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TÀI KHOẢN QUỐC GIA

ThS. Nguyễn Bích Lâm
Viện Khoa học Thống kê

Giá trị sản xuất là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị của sản phẩm vật chất và dịch vụ sản xuất ra trong một thời kỳ nhất định. Giá trị sản xuất có thể tính theo giá cơ bản hoặc giá sản xuất, Tổng cục Thống kê đang áp dụng giá sản xuất trong tính toán chỉ tiêu này.

Thống kê tài khoản quốc gia định nghĩa: **Giá cơ bản** là số tiền người sản xuất nhận được do bán một đơn vị hàng hóa hay dịch vụ sản xuất ra trừ đi thuế đánh vào sản phẩm, cộng với trợ cấp sản phẩm. Giá cơ bản loại trừ phí vận tải không do người sản xuất trả khi bán hàng. **Giá sản xuất** là số tiền người sản xuất nhận được do bán một đơn vị hàng hóa hay dịch vụ sản xuất ra trừ đi thuế giá trị gia tăng hay thuế được khấu trừ tương tự. Giá sản xuất loại trừ phí vận tải không do người sản xuất trả khi bán hàng⁽¹⁾.

Dùng giá sản xuất để tính phù hợp với chế độ hạch toán, kế toán và hệ thống thuế sản xuất trước đây. Kỳ họp thứ 11 (từ ngày 2/4 đến 10/5/1997), Quốc hội khoá IX đã thông qua Luật thuế Giá trị gia tăng và có hiệu lực từ ngày 1/1/1999 thay cho Luật thuế Doanh thu và chế độ hạch toán, kế toán cũng có những đổi mới. Vì vậy, việc áp dụng giá sản xuất để tính chỉ tiêu giá trị sản xuất theo ngành kinh tế bộc lộ một số bất cập.

Trên giác độ phân tích kinh tế, dùng giá sản xuất không phản ánh đúng bản chất kinh tế của chỉ tiêu này. Giá sản xuất không

phản ánh thực tế số tiền đơn vị sản xuất thu được khi bán sản phẩm của họ và cũng không phản ánh đúng số tiền người mua thực sự phải trả để có được hàng hóa và dịch vụ người mua cần⁽²⁾. Giá trị sản xuất tính theo giá cơ bản không ảnh hưởng tới “độ lớn” của chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP) vì GDP bằng tổng giá trị tăng thêm theo giá cơ bản của tất cả các ngành kinh tế cộng với tổng số thuế sản phẩm của toàn bộ nền kinh tế.

Phương pháp tính chỉ tiêu giá trị sản xuất trong Chế độ báo cáo TKQG ban hành theo Quyết định số 75/2003/QĐ-TCTK ngày 15 tháng 01 năm 2003 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê⁽³⁾ chia làm 2 khu vực: khu vực áp dụng và khu vực không áp dụng Chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp. Chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp áp dụng thống nhất cho các doanh nghiệp thuộc mọi ngành kinh tế, nên hiện nay phương pháp tính GTSX đối với khu vực áp dụng Chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp của hầu hết các ngành kinh tế trong Chế độ báo cáo TKQG có nội dung giống nhau. Vì vậy, những tồn tại và bất cập của phương pháp tính quy định trong Chế độ báo cáo TKQG xảy ra với hầu hết các ngành gồm:

1. Một số bất cập chung

Chế độ báo cáo TKQG quy định tính chỉ tiêu giá trị sản xuất của khu vực áp chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp như sau:

Giá trị sản xuất bằng Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cộng với Thuế VAT phát sinh phải nộp, thuế tiêu thụ đặc biệt phát sinh phải nộp, thuế xuất khẩu phát sinh phải nộp cộng với Thuế VAT theo phương pháp trực tiếp phải nộp cộng với Thu do bán sản phẩm phụ (đối với trường hợp doanh thu tiêu thụ nhỏ không hạch toán riêng, không tách ra được để đưa về ngành tương ứng) cộng với Thu do cho thuê thiết bị, máy móc có người điều khiển và các tài sản khác (không kể đất) cộng với Thu do bán phế liệu thu hồi, sản phẩm kèm theo tận thu được trong quá trình sản xuất cộng với Giá trị các mô hình công cụ là tài sản cố định tự trang bị cho đơn vị cộng với Chênh lệch cuối kỳ trừ đầu kỳ về thành phẩm tồn kho, hàng gửi đi bán, sản phẩm dở dang và các chi phí dở dang còn lại khác⁽⁴⁾.

Giá trị sản xuất tính theo giá sản xuất là toàn bộ giá trị hàng hóa và dịch vụ sản xuất trong kỳ bao gồm thuế sản phẩm trừ đi trợ cấp sản phẩm nhưng không bao gồm thuế giá trị gia tăng hoặc thuế tương tự được khấu trừ và loại trừ phí vận tải không do người sản xuất trả khi bán hàng. Phương pháp tính nêu trên không đảm bảo đúng nội dung của chỉ tiêu theo khái niệm giá sản xuất (vì gồm cả thuế VAT) và gây ra bất cập không đáng có, những bất cập này sẽ không tồn tại nếu chỉ tiêu GTSX được tính theo giá cơ bản. Cụ thể, nếu GTSX tính theo giá cơ bản, khi đó các yếu tố về thuế sản phẩm phát sinh phải nộp thường có độ tin cậy không cao, không cần thu thập và đưa vào công thức tính.

Phương pháp tính nêu trong chế độ báo cáo TKQG bao gồm cả thuế giá trị gia tăng gây nên **sự thiếu thống nhất** và điều đó sẽ **không xảy ra nếu tính theo giá cơ bản**. Để minh họa nhận định này, chúng ta xét ví dụ

sau: giả sử trong năm 2004, doanh nghiệp công nghiệp A mua nguyên, vật liệu trị giá 10 triệu đồng và dùng hết vào sản xuất, phải nộp thuế giá trị gia tăng là 1 triệu đồng (thuế này sẽ được khấu trừ khi doanh nghiệp bán sản phẩm) và tạo ra giá trị hàng hóa bán trên thị trường theo giá cơ bản (không bao gồm bất kỳ loại thuế sản phẩm nào) là 15 triệu đồng. Xét hai trường hợp:

- Doanh nghiệp bán hết sản phẩm sản xuất ra: *giá trị sản xuất theo giá cơ bản là 15 triệu đồng, GTSX theo phương pháp tính của Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia là 15,5 triệu đồng* vì bao gồm 0,5 triệu đồng thuế VAT phát sinh phải nộp (Thuế VAT phát sinh khi bán sản phẩm là 1,5 triệu đồng, doanh nghiệp được khấu trừ 1 triệu);

- Giả sử doanh nghiệp bán được 90% số sản phẩm sản xuất ra: *giá trị sản xuất theo giá cơ bản vẫn là 15 triệu đồng* (gồm doanh thu thuần 13,5 triệu đồng và tồn kho là 1,5 triệu đồng). *Giá trị sản xuất theo phương pháp tính của Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia là 15,45 triệu đồng*, gồm các khoản doanh thu thuần 13,5 triệu đồng, tồn kho 1,5 triệu đồng và thuế VAT phát sinh phải nộp là 0,45 triệu đồng (1,35 triệu tiền thuế VAT do bán 90% sản phẩm trừ đi thuế VAT được khấu trừ 0,9 triệu).

Rõ ràng phương pháp tính chỉ tiêu giá trị sản xuất hiện nay của Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia không thống nhất trong hai trường hợp nêu trên và bất cập này được loại trừ khi tính giá trị sản xuất theo giá cơ bản.

2. Bất cập riêng của một số ngành

a. Ngành nông, lâm nghiệp

Đối với khối hộ sản xuất nông, lâm nghiệp, Chế độ báo cáo TKQG quy định giá

trị sản xuất của hoạt động trồng trọt/chăn nuôi bằng sản lượng sản xuất trong năm nhân với giá bán của người sản xuất bình quân trong năm. Giá sản xuất bình quân trong năm lấy từ bảng cân đối sản phẩm trồng trọt/chăn nuôi hoặc đơn giá bán sản phẩm trồng trọt/chăn nuôi của các hộ nông dân điều tra ở chợ nông thôn. Quy định tính như trên có một số bất cập sau:

- Giá bình quân lấy trong các bảng cân đối sản phẩm nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi) bị ảnh hưởng của giá sản phẩm dùng cho nhiều mục đích khác nhau với đơn giá khác nhau như: giá của sản phẩm dùng để làm giống do mua ngoài, giá tính cho sản phẩm để ăn, giá bán sản phẩm trên thị trường. Giá bình quân lấy trong bảng cân đối sản phẩm nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi quyền số của sản phẩm dùng cho các mục đích khác nhau. Một yếu tố cần đề cập đó là chất lượng lập bảng cân đối sản phẩm nông nghiệp cũng ảnh hưởng tới tính giá bình quân và câu hỏi đặt ra là có nên lập bảng cân đối này với những mục đích như Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia đưa ra;

- Giá bán sản phẩm nông nghiệp của các hộ nông dân tại chợ nông thôn thực chất là giá cơ bản vì giá bán những sản phẩm này không bao gồm thuế sản phẩm như: thuế VAT, thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Đặc thù trong hoạt động sản xuất nông nghiệp đó là trợ cấp sản phẩm của Nhà nước đối với nông dân, công thức tính hiện nay chưa để ý tới yếu tố này. Nói cách khác GTSX theo giá sản xuất phải trừ đi trợ cấp sản phẩm.

Như vậy, phương pháp tính GTSX đối với hoạt động sản xuất của khối hộ nông, lâm nghiệp trong thống kê Tài khoản quốc

gia theo giá sản xuất hiện nay chưa chính xác, đó là *sự pha trộn giữa giá sản xuất và giá cơ bản*. Không nên dùng bảng cân đối sản phẩm nông nghiệp để tính giá vì điều này vi phạm khái niệm giá cơ bản hoặc giá sản xuất.

b. Ngành thủy sản

Đối với khu vực hộ khai thác và nuôi trồng thủy sản, giá trị sản xuất tính theo phương pháp xác định giá trị trực tiếp từ giá và lượng với giá bán của người sản xuất bình quân trong năm. Giá bán của người sản xuất đối với các mặt hàng thủy sản do đánh bắt và nuôi trồng không bao gồm bất kỳ một loại thuế sản phẩm nào. Nói cách khác, giá bán của người sản xuất trong thống kê Thương mại hoàn toàn là giá cơ bản. Vì vậy, giá trị sản xuất đối với khối hộ sản xuất thủy sản như hướng dẫn trong Chế độ báo cáo TKQG thực chất tính theo giá cơ bản.

c. Ngành công nghiệp khai thác, chế biến, sản xuất và phân phối điện nước

Đối với kinh tế tập thể và cá thể, chỉ tiêu giá trị sản xuất được tính bằng tổng số lao động hoặc tổng số hộ sản xuất trong năm nhân (x) với giá trị sản xuất bình quân một lao động hoặc một hộ của đơn vị điều tra chọn mẫu. Phương pháp tính này có một số bất cập sau:

- Tính GTSX bình quân một lao động hoặc một hộ từ điều tra chọn mẫu để suy rộng cho toàn bộ tổng thể của khu vực này không hợp lý vì quy mô và năng suất lao động của tập thể và cá thể khác nhau;

- Phương pháp tính nêu quá chung chung, không biết ngành Thống kê có tổ chức điều tra để tính chỉ tiêu giá trị sản xuất

bình quân một lao động hoặc một hộ hay không, do Vụ nào điều tra;

- Phương pháp không nêu rõ giá trị sản xuất bình quân một lao động hoặc một hộ tính theo giá nào, nội dung gồm những gì.

d. Ngành xây dựng

Với đặc thù của hoạt động xây dựng nên doanh thu xây dựng được tính trên cơ sở “vốn đầu tư thanh toán của chủ đầu tư không chỉ cho công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao, mà còn bao gồm cả phần vốn ứng trước cho đơn vị xây dựng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngược lại có khi công trình đã bàn giao đưa vào sử dụng, nhưng do chủ đầu tư chưa có vốn thanh toán, nên cũng chưa được tính trong doanh thu. Do vậy, doanh thu của ngành xây dựng không phản ánh đúng thực chất của sản phẩm xây dựng hoàn thành và không thể hiện được quan hệ đẳng thức giữa sản phẩm tiêu thụ tồn kho và dở dang như các ngành sản xuất kinh doanh khác”⁽⁵⁾. Điều này chứng tỏ phương pháp tính chỉ tiêu GTSX dựa vào doanh thu và theo giá sản xuất là không hợp lý.

Phương pháp tính GTSX đối với hoạt động xây dựng nhà ở và vật kiến trúc của dân cư quy định trong Chế độ báo cáo TKQG không thỏa đáng vì:

- Đặc thù của hoạt động xây dựng là tạo ra sản phẩm đơn chiếc, giá trị công trình hoàn thành trong năm của các hộ dân cư hoàn toàn khác nhau về diện tích xây dựng, mẫu mã thiết kế. Ngay cả trong trường hợp một ngôi nhà có diện tích, thiết kế giống nhau nhưng giá trị công trình hoàn toàn khác nhau vì giá trị vật liệu xây dựng và thiết bị lắp đặt vào công trình khác nhau.

- Chu kỳ sản xuất để hoàn thành công trình xây dựng thường kéo dài có khi tới vài năm, trong khi đó khái niệm giá trị sản xuất là kết quả của hoạt động sản xuất trong một thời kỳ nhất định, vì vậy tính giá trị công trình hoàn thành trong năm sẽ bỏ qua hoặc tính trùng giá trị hoạt động xây dựng dở dang của khu vực này.

e. Ngành khách sạn, nhà hàng, vận tải kho bãi và thông tin liên lạc

Phương pháp tính chung của khu vực kinh tế tập thể và cá thể của các ngành này bằng tổng số lao động hoặc số hộ sản xuất trong năm nhân với giá trị sản xuất bình quân cho 1 lao động hoặc cho 1 hộ của đơn vị điều tra chọn mẫu. Bên cạnh những bất cập và tồn tại của phương pháp tính như đã nêu trong ngành công nghiệp, đối với các ngành khách sạn, nhà hàng, vận tải kho bãi và thông tin liên lạc tính theo giá sản xuất còn tồn tại một bất cập sau:

Hoạt động kinh doanh dịch vụ khu vực tập thể và cá thể của những ngành này không ổn định, địa điểm cung cấp dịch vụ hay thay đổi (bán dong hàng ăn, người cung cấp dịch vụ vận tải hay thay đổi nơi hoạt động) vì vậy rất khó có thể tính được giá trị sản xuất bình quân cho một lao động hoặc một hộ theo **giá sản xuất**. Thông thường, cơ quan thuế chỉ thu thuế môn bài (thuế sản xuất khác) của hợp tác xã hay cá thể kinh doanh những dịch vụ này. Nói cách khác, thuế doanh thu phát sinh phải nộp trong công thức tính quy định bởi Chế độ báo cáo TKQG thực chất là thuế sản xuất khác. Vì vậy nội dung của chỉ tiêu GTSX chưa phản ánh đúng theo giá sản xuất.

f. Ngành kinh doanh bất động sản và dịch vụ tư vấn

Quy định phương pháp tính giá trị sản xuất của hoạt động mua nhà để bán bao gồm cả thuế xuất khẩu phát sinh phải nộp là không thực tế vì không có khái niệm xuất khẩu nhà ở xây trên lãnh thổ Việt Nam. Hai phương pháp tính đối với hoạt động mua nhà để bán của các đơn vị không hoạch toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp cho kết quả không giống nhau và không cùng một loại giá:

- Phương pháp thứ nhất hướng dẫn giá trị sản xuất bằng doanh thu trong năm và không loại trừ trị giá nhà mua vào để bán là không đúng, theo phương pháp này, giá trị sản xuất của hoạt động kinh doanh bất động sản bao gồm cả giá trị công trình xây dựng đã tính trong giá trị sản xuất của ngành xây dựng.

- Phương pháp thứ hai hướng dẫn giá trị sản xuất bằng tổng chi phí hoạt động thường xuyên. Hướng dẫn như vậy quá chung chung, không chỉ rõ chi hoạt động thường xuyên có bao gồm thuế và lợi nhuận hay không. Theo phương pháp này chắc chắn không bao gồm thuế sản phẩm, vì vậy, giá trị sản xuất theo phương pháp này thực chất tính theo giá cơ bản.

- Đối với hoạt động dịch vụ nhà ở tự có tự ở của các hộ gia đình, phương pháp tính giá trị sản xuất hoàn toàn theo giá cơ bản vì không có yếu tố thuế sản phẩm. Phương pháp tính như đã nêu trong chế độ báo cáo (trang 95) chưa phải là phương pháp tốt nhất theo quy định của tài khoản quốc gia, tuy vậy phương pháp này có tính khả thi và phù hợp với hoàn cảnh thực tế của thị trường cho thuê nhà ở và thống kê Việt Nam.

g. Nhóm ngành giáo dục đào tạo, y tế, hoạt động cứu trợ xã hội và hoạt động

văn hóa, thể thao, Hoạt động của các tổ chức không vì lợi, Phục vụ cá nhân và cộng đồng, hoạt động làm thuê các công việc hộ gia đình, hoạt động của các tổ chức và đoàn thể quốc tế

Phương pháp hướng dẫn tính giá trị sản xuất của nhóm ngành này hoàn toàn theo nội dung của giá cơ bản vì không bao gồm bất kỳ một loại thuế sản phẩm nào. Phương pháp thứ nhất⁽⁶⁾ hướng dẫn chưa cụ thể, dẫn đến sự thiếu nhất quán khi các Cục Thống kê tỉnh, thành phố áp dụng. Phương pháp này có ghi: “Trừ một phần của mục chi khác (134)”, trừ một phần là trừ bao nhiêu?.

Tuy nhiên, Chế độ báo cáo TKQG hiện nay chỉ là chế độ tạm thời, Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia nên rà soát, sửa đổi và hướng dẫn lại nội dung của chế độ báo cáo này theo giá cơ bản để khắc phục những bất cập nêu trên. Việc rà soát, sửa đổi cũng phù hợp với kế hoạch phát triển thống kê tài khoản quốc gia của Vụ và phù hợp với cam kết của Tổng cục Thống kê với Quỹ Tiền tệ quốc tế⁽⁷⁾ ■

(1) Một số thuật ngữ thống kê thông dụng, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội - 2004, trang 85.

(2) Độc giả quan tâm tới mối liên hệ và sự khác biệt giữa giá cơ bản và giá sản xuất có thể tham khảo cuốn: “Phương pháp biên soạn Hệ thống tài khoản quốc gia ở Việt Nam”, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội - 2003.

(3) Từ đây trở đi trong bài sẽ viết gọn là Chế độ báo cáo TKQG

(4) Chế độ báo cáo TKQG, trang 62.

(5) Vũ Văn Tuấn - Chuyên đề khoa học: “Phương pháp tính giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm theo giá cơ bản của các ngành sản xuất vật chất” trang 23.

(6) Chế độ báo cáo TKQG, trang 102 và 108.

(7) Tổng cục Thống kê cam kết với Quỹ Tiền tệ quốc tế là sẽ áp dụng giá cơ bản trong tính toán chỉ

tiêu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các ngành kinh tế từ năm 2005.

Tài liệu tham khảo

1. Chế độ báo cáo thống kê định kỳ tài khoản quốc gia áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ban hành theo Pháp lệnh kế toán và Thống kê theo Quyết định số 75/2003/QĐ-TCTK ngày 15 tháng 01 năm 2003 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội - 2003.

2. Phương pháp biên soạn Hệ thống tài khoản quốc gia ở Việt Nam, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội - 2003

3. Chế độ báo cáo thống kê định kỳ Vốn đầu tư và xây dựng áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ban hành theo Pháp lệnh kế toán và Thống kê theo Quyết định số 733/2002/QĐ-TCTK ngày 15 tháng 11 năm 2002 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội - 2002

4. Chế độ báo cáo thống kê định kỳ Thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng, du lịch lữ hành và

dịch vụ áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ban hành theo Pháp lệnh kế toán và Thống kê theo Quyết định số 734 /2002/QĐ-TCTK ngày 15 tháng 11 năm 2002 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội - 2002.

5. Phương án điều tra và báo cáo thống kê giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng công nghiệp (kèm theo Quyết định số 650 /2004/QĐ-TCTK ngày 5 tháng 9 năm 2004 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội - 2004.

6. Phương án điều tra và báo cáo thống kê giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng nông, lâm, thủy sản (kèm theo Quyết định số 650 /2004/QĐ-TCTK ngày 5 tháng 9 năm 2004 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội - 2004.

7. Vũ Văn Tuấn - Chuyên đề khoa học: “Phương pháp tính giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm theo giá cơ bản của các ngành sản xuất vật chất”.